ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08 /GPMT-UBND	*Thủy Nguyên, ngày 25 tháng 3 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 07.02/CV-Inoac ngày 07/02/2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH INOAC Việt Nam và hồ sơ kèm theo Văn bản số 20.03/CV-Inoac ngày 20/03/2025 về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH INOAC Việt Nam, địa chỉ tại lô 36, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy INOAC tại KCN VSIP Hải Phòng - Giai đoạn I có địa điểm tại lô đất IN3-6*B, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thành phố Thủy Nguyên (trước đây là huyện Thuỷ Nguyên), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: Nhà máy INOAC tại KCN VSIP Hải Phòng – Giai đoạn I

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất IN3-6*B, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, thành phố Thủy Nguyên (trước đây là huyện Thuỷ Nguyên), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2500236896 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 09/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 19/12/2024; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số chi nhánh 2500236896-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 16/12/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/03/2025. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4351058868 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 06/7/2022, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 23/9/2024.

1.4. Mã số thuế: 2500236896-003

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất xốp, vật liệu mút xốp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích sử dụng: 45.780m^2.

- Quy mô của dự án đầu tư: Dự án có tiêu chí đầu tư như nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công);

- Quy mô của dự án đầu tư: nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2020/NĐ-CP.

- Công suất (cho năm sản xuất ổn định): Sản xuất xốp, vật liệu mút xốp 1.000.000 m^2/năm tương đương 500 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH INOAC Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH INOAC Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Mười năm), kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH INOAC Việt Nam;
- CT, PCT Nguyễn Văn Viễn;
- Công ty TNHH VSIP Hải Phòng;
- Phòng TNMT;
- Cổng thông tin điện tử TP Thủy Nguyên;
- UBND phường Thủy Hà;
- Lưu: TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Viễn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 25 /03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau khi xử lý được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH INOAC Việt Nam và Công ty TNHH VSIP Hải Phòng đã ký Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng số 002-22/IN3-6*B/LA(TA)IP/VSIP HP ngày 8/8/2022.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nhà ăn được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ. Toàn bộ nước thải này sau đó được nhập dòng cùng với nước thải từ nhà vệ sinh và nước rửa tay chân rồi dẫn vào bể gom và đấu nối vào Hệ thống xử lý nước thải của Công ty trước khi thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ quá trình làm mát con lăn và nước thải từ quá trình làm mát thiết bị trộn được dẫn vào bể gom và đấu nối vào Hệ thống xử lý nước thải của Công ty trước khi thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị trộn được thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại (CTNH) của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải nhà vệ sinh + nước thải từ nhà ăn qua bể tách mỡ + nước rửa tay chân → Hệ thống xử lý nước thải của Dự án công suất 12m^3/ngày.đêm → Hệ thống XLNT tập trung của KCN VSIP Hải Phòng.

- Công suất thiết kế:

+ 03 bể tách mỡ inox có dung tích 0,16m^3/bể.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 12m^3/ ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Ethanol, PAC, TCCA, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Dự án bố trí 01 bể chứa nước ngầm để xử lý sự cố phòng cháy chữa cháy với dung tích 715m^3.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (02 vị trí):

- Mẫu nước thải tại hố gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 12m^3/ngày.đêm của Dự án. Toạ độ: X(m): 2313700.985; Y(m): 600770.785.

- Mẫu nước thải đầu ra tại bể khử trùng, xả thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 12m^3/ngày.đêm của Dự án. Toạ độ: X(m): 2313690.885; Y(m): 600770.785.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	TC KCN VSIP Hải Phòng
1	pH	-	**6 ÷ 9**
2	COD	*mg/L*	**600**
3	BOD_5	*mg/L*	**400**
4	Amoni	*mg/L*	**8**
5	Tổng N	*mg/L*	**20**
6	Tổng P	*mg/L*	**5**

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Hải Phòng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 25/03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải (do không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo Khoản 2, Điều 98 Nghị định 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống thông gió hoạt động ổn định, hiệu quả.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thông gió nhà xưởng, đảm bảo hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống thông gió nhà xưởng.

3.3. Công ty cam kết chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 25/03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực máy phát điện;
- Nguồn số 2: Khu vực máy nén khí;
- Nguồn số 3: Khu vực cắt;
- Nguồn số 4: Khu vực tạo foam;
- Nguồn số 5: Khu vực trộn;
- Nguồn số 6: Khu vực phun cát;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Toạ độ: X(m): 2313770.496; Y(m): 600887.593.
- Nguồn số 02: Toạ độ: X(m): 2313771.393; Y(m): 600881.494;
- Nguồn số 03: Toạ độ: X(m): 2313751.312; Y(m): 600918.202;
- Nguồn số 4: Khu vực tạo foam; Toạ độ: X(m): 2313751.386; Y(m): 600852.668;
- Nguồn số 5: Khu vực trộn: Toạ độ: X(m): 2313755.791; Y(m): 600858.572;
- Nguồn số 6: Khu vực phun cát: Toạ độ: X(m): 2313765.311; Y(m): 600884.807;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng (*tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám*) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Trên đường giao thông nội bộ, đặc biệt là vị trí khu vực cổng ra vào của Công ty quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải.

- Các xe chuyên chở cần phải bảo dưỡng định kỳ. Bố trí các xe chuyên chở vào các thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm gây ùn tắc giao thông.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 25 /03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Sản phẩm hữu cơ có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	10.080	19 03 02
2	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	2.060	07 01 06
3	Bóng đèn UV thải	Rắn	6	16 01 06
4	Mực UV thải	Lỏng	112	08 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	150	16 01 06
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	350	17 02 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	550	18 02 01
8	Pin/acquy thải	Rắn	160	16 01 12
9	Bao bì kim loại cứng thải (chứa thành phần nguy hại)	Rắn	2.700	18 01 02
Tổng			**16.168**	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (túi nilong, dây đai buộc hàng, sản phẩm lỗi hỏng,...): **117,33** tấn/năm;

1.3. Khối lượng bùn từ hệ thống thoát nước mưa: **5,57** tấn/năm;

1.4. Khối lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: **0,03** tấn/năm;

1.5. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng **64,5** kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Kho/khu vực lưu chứa: bố trí 03 kho lưu giữ chất thải nguy hại, có tổng diện tích khoảng 91 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại chất thải nguy hại khác nhau, rồi tập kết về khu vực chứa để lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Kho/khu vực lưu chứa: tổng diện tích 60m^2 trong đó: 01 khu vực diện tích 13m^2 (nằm trong kho RM1) + 02 kho (RM2 diện tích 24m^2 và RM3 diện tích 23m^2).

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bê tông, vữa trát và sơn nước. Mái tôn mạ

kẽm, bông thủy tinh cách nhiệt.

- Thực hiện thu gom, tập kết và chuyển giao chất thải rắn thông thường đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng dung tích 35 lít - 120 lít có nắp đậy tại mỗi khu vực phát sinh: Khu văn phòng, nhà ăn, khu vệ sinh, hành lang, nhà xưởng sản xuất và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Kho/khu vực lưu chứa: Diện tích 10,0m^2 (nằm trong kho RM1).

+ Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển về kho lưu giữ rác thải sinh hoạt, chờ đơn vị thu gom đến mang đi xử lý. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 25 /03/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm hoặc đột xuất nộp về cơ quan quản lý nhà nước.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.